

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1651/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 4 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Về ban hành Quy định về tiêu chí và cách thức thẩm định hồ sơ
thành lập các tổ chức hành nghề công chứng năm 2013
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Công chứng ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 02/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng;

Căn cứ Quyết định số 240/QĐ-TTg ngày 17 tháng 02 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Tiêu chí quy hoạch phát triển tổ chức hành nghề công chứng ở Việt Nam đến năm 2020;

Căn cứ Thông tư số 11/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thực hiện một số nội dung về công chứng viên, tổ chức và hoạt động công chứng, quản lý nhà nước về công chứng;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 02/TTr-STP-M ngày 19 tháng 02 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về tiêu chí và cách thức thẩm định hồ sơ thành lập các tổ chức hành nghề công chứng năm 2013 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết

định số 2980/QĐ-UBND ngày 07 tháng 6 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy định về tiêu chí và cách thức thẩm định hồ sơ thành lập các tổ chức hành nghề công chứng năm 2012 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Minh Trí

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Về tiêu chí và cách thức thẩm định hồ sơ thành lập các tổ chức
hành nghề công chứng năm 2013 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1651/QĐ-UBND
ngày 03 tháng 4 năm 2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh

Quy định này được áp dụng để thẩm định hồ sơ thành lập tổ chức hành nghề công chứng năm 2013 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Nguyên tắc thẩm định hồ sơ

Việc thẩm định hồ sơ thành lập tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh phải đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, khách quan và đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Trách nhiệm của công chứng viên nộp hồ sơ đề nghị thành lập tổ chức hành nghề công chứng

Công chứng viên nộp hồ sơ đề nghị thành lập tổ chức hành nghề công chứng chịu trách nhiệm về tính xác thực của hồ sơ và nộp kèm các giấy tờ chứng minh về những nội dung trình bày trong Đề án thành lập tổ chức hành nghề công chứng.

Chương II TIÊU CHÍ VÀ SỐ ĐIỂM CỦA CÁC TIÊU CHÍ

Điều 4. Vị trí dự kiến đặt trụ sở tổ chức hành nghề công chứng

Điểm tối đa là 5 điểm, trong đó:

1. Vị trí đảm bảo khoảng cách hợp lý so với tổ chức hành nghề công chứng hiện tại trên địa bàn: cộng tối đa 03 điểm.

2. Vị trí thuận lợi cho việc liên hệ của người dân, không gây ách tắc giao thông: cộng tối đa 02 điểm.

Điều 5. Về trụ sở tổ chức hành nghề công chứng

Điểm tối đa là 10 điểm, trong đó:

1. Tổng diện tích sử dụng của trụ sở tổ chức hành nghề công chứng:

- a) Diện tích dưới 100 m^2 : 0 điểm;
- b) Diện tích từ 100 m^2 đến dưới 150 m^2 : cộng tối đa 4 điểm;
- c) Diện tích từ 150 m^2 đến dưới 200 m^2 : cộng tối đa 5 điểm;
- d) Diện tích từ 200 m^2 đến dưới 250 m^2 : cộng tối đa 7 điểm;
- đ) Diện tích từ 250 m^2 trở lên: cộng tối đa 8 điểm.

2. Về tính pháp lý của trụ sở tổ chức hành nghề công chứng:

a) Trường hợp trụ sở tổ chức hành nghề công chứng thuộc sở hữu của công chứng viên thành lập hoặc thành viên hợp danh: cộng tối đa 2 điểm.

b) Trường hợp trụ sở tổ chức hành nghề công chứng có hợp đồng thuê, mượn hợp lệ và có thời hạn thuê từ 1 năm trở lên được cộng tối đa 2 điểm, cụ thể:

- Hợp đồng thuê, mượn có thời hạn thuê từ 1 năm đến dưới 5 năm: cộng tối đa 1 điểm;

- Hợp đồng thuê, mượn có thời hạn thuê từ 5 năm trở lên: cộng tối đa 2 điểm.

Điều 6. Tổ chức bố trí, sắp xếp vị trí làm việc trong trụ sở tổ chức hành nghề công chứng

Trụ sở làm việc của tổ chức hành nghề công chứng cần được bố trí thành các khu vực (phòng) khoa học, phù hợp, đảm bảo trật tự, an toàn, thuận lợi cho người dân đến giải quyết hồ sơ công chứng: cộng tối đa 3 điểm.

Điều 7. Điều kiện thực hiện các quy định về an ninh trật tự và an toàn giao thông

Điểm tối đa là 3 điểm, trong đó:

1. Diện tích dành cho giữ xe

- a) Diện tích giữ xe dưới 50 m^2 : cộng tối đa 0,5 điểm;
- b) Diện tích giữ xe từ 50 m^2 trở lên: cộng tối đa 1 điểm.

Trường hợp tổ chức hành nghề công chứng không bố trí diện tích dành cho giữ xe sẽ không được cộng điểm mục này.

2. Địa điểm giữ xe thuận lợi, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn giao thông: cộng tối đa 1 điểm.

3. Tổ chức hành nghề công chứng có phương án phòng chống cháy nổ: cộng tối đa 1 điểm.

Điều 8. Cơ sở vật chất để phục vụ cho hoạt động nghiệp vụ và ứng dụng công nghệ thông tin

Điểm tối đa là 3 điểm, trong đó:

1. Có dự kiến trang bị máy tính và các trang thiết bị cần thiết khác đảm bảo cho hoạt động của tổ chức hành nghề công chứng: cộng tối đa 1 điểm.

2. Có dự kiến thiết kế trang web và kết nối internet: cộng tối đa 1 điểm.

3. Có phương án đầu tư xây dựng phần mềm quản lý nghiệp vụ, quản lý kế toán: cộng tối đa 1 điểm.

Điều 9. Loại hình của tổ chức hành nghề công chứng và số lượng công chứng viên

Điểm tối đa là 12 điểm, trong đó:

1. Tổ chức hành nghề công chứng do 1 công chứng viên thành lập: 0 điểm

2. Tổ chức hành nghề công chứng do nhiều công chứng viên thành lập: cộng tối đa 4 điểm

3. Số lượng công chứng viên (tối đa là 8 điểm): mỗi công chứng viên là thành viên hợp danh được cộng 2 điểm, mỗi công chứng viên làm việc theo chế độ hợp đồng được cộng 1 điểm.

Điều 10. Kinh nghiệm của công chứng viên liên quan đến hoạt động công chứng

Điểm tối đa là 22 điểm, trong đó số điểm tính cho từng công chứng viên là thành viên hợp danh như sau:

1. Có thời gian công tác pháp luật, cộng tối đa 2 điểm, cụ thể:

a) Từ 10 năm đến 15 năm: cộng 1 điểm.

b) Trên 15 năm: cộng 2 điểm.

2. Có thời gian công tác liên quan đến nghiệp vụ công chứng từ 3 năm trở lên: cộng tối đa 0,5 điểm.

3. Có thời gian làm công tác nghiệp vụ công chứng tại các tổ chức hành nghề công chứng trước khi bổ nhiệm công chứng viên được cộng tối đa 2 điểm, cụ thể:

a) Từ 2 năm trở lên: cộng 1 điểm.

b) Từ 3 năm trở lên: cộng 2 điểm.

4. Công chứng viên đã từng hành nghề với tư cách công chứng viên được cộng tối đa 5 điểm, cụ thể:

a) Dưới 3 năm: cộng 1 điểm;

b) Từ 3 năm đến dưới 5 năm: cộng 2 điểm;

c) Từ 5 năm đến dưới 10 năm: cộng 3 điểm;

d) Từ 10 năm đến dưới 15 năm: cộng 4 điểm;

đ) Từ 15 năm trở lên: cộng 5 điểm.

5. Công chứng viên làm việc theo chế độ hợp đồng, số điểm của mỗi công chứng viên được tính bằng một nửa số điểm của mỗi công chứng viên là thành viên hợp danh quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 và Khoản 4 Điều này.

Điều 11. Thư ký nghiệp vụ

Điểm tối đa là 14 điểm, trong đó:

1. Mỗi thư ký nghiệp vụ được tính 0,5 điểm.

2. Mỗi thư ký nghiệp vụ được cộng tối đa 2 điểm nếu thuộc các trường hợp sau đây:

a) Có thời gian làm công tác pháp luật từ 5 năm trở lên: cộng 1 điểm;

b) Đã có chứng chỉ tốt nghiệp khóa bồi dưỡng nghiệp vụ công chứng: cộng 1 điểm.

3. Mỗi thư ký nghiệp vụ có thời gian công tác nghiệp vụ công chứng được cộng tối đa 1,5 điểm, cụ thể:

a) Từ 1 năm trở lên: cộng 0,5 điểm;

b) Từ 3 năm trở lên: cộng 1 điểm;

c) Từ 5 năm trở lên: cộng 1,5 điểm.

Điều 12. Nhân sự phụ trách kế toán

Điểm tối đa là 4 điểm, trong đó:

1. Tổ chức hành nghề công chứng có nhân viên làm kế toán: cộng tối đa 1 điểm.
2. Nhân viên có bằng đại học hoặc cao đẳng chuyên ngành kế toán: cộng tối đa 1 điểm;
3. Nhân viên kế toán đã qua lớp đào tạo bồi dưỡng kế toán trưởng: cộng tối đa 1 điểm;
4. Nhân viên kế toán có thời gian công tác kế toán được cộng tối đa 1 điểm, cụ thể:
 - a) Dưới 5 năm: cộng tối đa 0,5 điểm.
 - b) Từ 5 năm trở lên: cộng tối đa 1 điểm.

Điều 13. Nhân sự phụ trách công nghệ thông tin

Điểm tối đa là 3 điểm, trong đó:

1. Tổ chức hành nghề công chứng có nhân viên công nghệ thông tin: cộng tối đa 1 điểm.
2. Nhân viên có bằng đại học hoặc cao đẳng chuyên ngành công nghệ thông tin: cộng tối đa 1 điểm;
3. Nhân viên công nghệ thông tin có thời gian công tác công nghệ thông tin được cộng tối đa 1 điểm, cụ thể:
 - a) Dưới 5 năm: cộng tối đa 0,5 điểm.
 - b) Từ 5 năm trở lên: cộng tối đa 1 điểm.
4. Nếu tổ chức hành nghề công chứng không có nhân viên công nghệ thông tin nhưng có phương án thuê dịch vụ công nghệ thông tin để phục vụ cho hoạt động của tổ chức hành nghề công chứng: cộng tối đa 2 điểm.

Điều 14. Nhân sự phụ trách lưu trữ

Điểm tối đa là 3 điểm, trong đó:

1. Tổ chức hành nghề công chứng có nhân viên làm công tác lưu trữ: cộng tối đa 1 điểm.
2. Nhân viên có bằng đại học hoặc cao đẳng chuyên ngành lưu trữ: cộng tối đa 1 điểm;

3. Nhân viên lưu trữ có thời gian công tác lưu trữ được cộng tối đa 1 điểm, cụ thể:

- a) Dưới 5 năm: cộng tối đa 0,5 điểm.
- b) Từ 5 năm trở lên: cộng tối đa 1 điểm.

Điều 15. Xây dựng quy trình nghiệp vụ công chứng và quy trình lưu trữ chặt chẽ, đúng quy định của pháp luật

Điểm tối đa là 5 điểm, trong đó:

1. Xây dựng quy trình nghiệp vụ công chứng chặt chẽ, đúng quy định pháp luật: cộng tối đa 3 điểm.

2. Xây dựng quy trình lưu trữ chặt chẽ, đúng quy định pháp luật: cộng tối đa 2 điểm.

Điều 16. Khả năng quản trị tổ chức hành nghề công chứng

Điểm tối đa là 5 điểm, trong đó:

1. Người đại diện theo pháp luật của tổ chức hành nghề công chứng có bằng cấp hoặc giấy tờ chứng minh đã qua lớp đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về quản trị được cộng tối đa 2 điểm.

2. Người đại diện theo pháp luật của tổ chức hành nghề công chứng từng có kinh nghiệm quản trị tổ chức hành nghề công chứng trên 1 năm được cộng tối đa 3 điểm.

Điều 17. Tính khả thi của Đề án

Đề án thể hiện được tính khả thi và đảm bảo đầy đủ các nội dung theo quy định được tính tối đa 8 điểm.

Điều 18. Những trường hợp không được tính điểm

1. Cùng một nhân sự, địa điểm dự kiến đặt trụ sở được nêu tại nhiều Đề án thành lập tổ chức hành nghề công chứng trong cùng một đợt tiếp nhận hồ sơ thành lập tổ chức hành nghề công chứng.

2. Nhân sự đã tham gia các hồ sơ thành lập tổ chức hành nghề công chứng được Ủy ban nhân dân thành phố cho phép thành lập năm 2012 (trừ trường hợp công chứng viên làm việc theo chế độ hợp đồng, nay tham gia thành lập văn phòng công chứng).

3. Công chứng viên, thư ký nghiệp vụ đã từng bị xử lý kỷ luật trong quá trình công tác, bị xử phạt vi phạm hành chính với hình thức xử phạt bổ sung tước quyền sử

dụng thẻ công chứng viên (có thời hạn hoặc không có thời hạn) trong thời hạn 3 năm tính đến ngày nộp hồ sơ.

4. Nhân sự có độ tuổi từ 60 trở lên đối với nữ và từ 65 tuổi trở lên đối với nam tính đến thời điểm nộp hồ sơ.

5. Công chứng viên đã rút tên khỏi thành viên hợp danh của các tổ chức hành nghề công chứng trong thời gian 6 tháng tính đến thời điểm Ủy ban nhân dân thành phố ban hành tiêu chí này.

6. Mỗi hồ sơ thành lập tổ chức hành nghề công chứng được tính điểm tối đa 05 công chứng viên và 05 thư ký nghiệp vụ.

Chương III

CÁCH THỨC THẨM ĐỊNH HỒ SƠ

Điều 19. Tổ thẩm định hồ sơ

1. Giám đốc Sở Tư pháp quyết định thành lập và ban hành Quy chế làm việc của Tổ thẩm định hồ sơ đề nghị thành lập tổ chức hành nghề công chứng.

2. Nguyên tắc thẩm định hồ sơ:

Các thành viên của Tổ thẩm định hồ sơ làm việc độc lập, căn cứ vào tiêu chí và thang điểm nêu tại Mục II của Quy định này để thẩm định và chấm điểm từng hồ sơ thành lập tổ chức hành nghề công chứng.

Điều 20. Cách thức chấm điểm

1. Điểm của từng hồ sơ được tính bằng cách lấy điểm chấm của các thành viên cộng lại và chia cho số lượng thành viên tham gia chấm điểm.

2. Việc thẩm định và chấm điểm hồ sơ phải được lập thành biên bản và có chữ ký của các thành viên Tổ thẩm định.

3. Hồ sơ được đề nghị xét chọn phải đạt từ 60 điểm trở lên và có số điểm cao nhất trong số hồ sơ xin thành lập trong 1 đơn vị quy hoạch (quận, huyện). Trường hợp có nhiều hồ sơ có số điểm bằng nhau, thì hồ sơ đề nghị xét chọn sẽ theo các thứ tự ưu tiên sau đây:

- a) Hồ sơ có số điểm chất lượng công chứng viên cao hơn;
- b) Hồ sơ có số điểm chất lượng thư ký nghiệp vụ cao hơn;
- c) Hồ sơ có số điểm cơ sở vật chất cao hơn.

4. Căn cứ vào kết quả thẩm định và số điểm của từng hồ sơ, Giám đốc Sở Tư pháp trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định việc cho phép thành lập tổ chức hành nghề công chứng theo quy định.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Khiếu nại, tố cáo

1. Người nộp hồ sơ đề nghị thành lập tổ chức hành nghề công chứng có quyền khiếu nại về việc từ chối cho phép thành lập tổ chức hành nghề công chứng khi có căn cứ cho rằng việc từ chối đó là trái với Quy định này.

Việc giải quyết khiếu nại được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại.

2. Người nộp hồ sơ đề nghị thành lập tổ chức hành nghề công chứng có quyền tố cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về các hành vi vi phạm pháp luật và Quy định này.

Việc giải quyết tố cáo tuân theo quy định của pháp luật về tố cáo.

Điều 22. Tổ chức thực hiện

Sở Tư pháp chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy định này. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc thì kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét việc sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ theo quy định của pháp luật./.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Minh Trí